

Số: 04/2026/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 48/2025/TLST/HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Vương Thị C**; sinh năm: 2004;

Căn cước công dân số: 002304002344, cấp ngày 16/5/2024, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Sùng Mí T**; sinh năm: 2000;

Căn cước công dân số: 002200006122, cấp ngày: 28/6/2021; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Nơi cư trú: Thôn S, xã T, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Vương Thị C** và anh **Sùng Mí T**.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị C và anh Sùng Mí T nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Vương Thị C và anh Sùng Mí T xác nhận có 02 con chung và thống nhất anh Sùng Mí T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 cháu là Sùng Xuân T; Giới tính: Nam; Sinh ngày 23/02/2021 và Sùng Thị Đan Q; Giới tính: Nữ; Sinh ngày 09/10/2022. Chị C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Sùng Thị Đan Q là 1.000.000đ/tháng (một triệu đồng).

Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Phương thức cấp dưỡng: Định kỳ theo tháng, đến ngày cuối cùng của tháng chị C phải thanh toán xong cho anh T số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của luật HN&GD.

- Về án phí: Chị Vương Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn là 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 22/12/2025 (biên lai số: 0001815). Xác nhận chị C đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Ti;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Danh Nhân